

BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG
REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh
 To: - State Securities Commission of Vietnam
 - Ho Chi Minh City Stock Exchange

<p>1 Tên Công ty quản lý quỹ: Fund Management Company:</p> <p>2 Tên ngân hàng giám sát: Supervising bank:</p> <p>3 Tên Quỹ: Fund name:</p> <p>4 Mã Quỹ: Fund name:</p> <p>5 Kỳ báo cáo: Reporting period:</p> <p>6 Ngày lập báo cáo: Reporting Date:</p>	<p>Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) Mirae Asset (Vietnam) Fund Management Company Limited</p> <p>Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam Shinhan Bank Vietnam Limited</p> <p>Quỹ ETF MAFM VN30 MAFM VN30 ETF</p> <p>FUEMAV30 FUEMAV30</p> <p>Từ ngày 16 tháng 09 năm 2022 đến ngày 22 tháng 09 năm 2022 From 16 Sep 2022 to 22 Sep 2022</p> <p>23/09/2022 23-Sep-22</p>
----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Đơn vị tính/ Unit: VND

STT NO	CHỈ TIÊU CRITERIA	KỲ BÁO CÁO THIS PERIOD 22/09/2022	KỲ TRƯỚC LAST PERIOD 15/09/2022
I	Giá trị tài sản ròng Net Asset Value		
1	Giá trị đầu kỳ At the beginning of period		
1.1	của quỹ/ per Fund	655,654,610,646	657,191,561,579
1.2	của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot of Fund Certificate	1,486,745,149	1,490,230,298
1.3	của một chứng chỉ quỹ/ per Fund Certificate	14,867.45	14,902.30
2	Giá trị cuối kỳ At the end of period		
2.1	của quỹ/ per Fund	637,962,753,678	655,654,610,646
2.2	của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot of Fund Certificate	1,446,627,559	1,486,745,149
2.3	của một chứng chỉ quỹ/ per Fund Certificate	14,466.27	14,867.45
3	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ, trong đó: Change of NAV per Fund Certificate during period, of which:		
3.1	Thay đổi do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ Changes of NAV due to fund's investment during the period	(17,691,856,968)	(1,536,950,933)
3.2	Thay đổi do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ Change of NAV due to subscription, redemption during the period	-	-
3.3	Thay đổi do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ Change of net asset value due to distribute the profit to investors during the period	-	-
4	Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ so với kỳ trước Change of NAV per fund unit in comparison with last period	(401.18)	(34.85)
5	Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất Highest/Lowest NAV within latest 52 weeks		
5.1	Giá trị cao nhất (VND)/ Highest Value (VND)	777,324,045,998	777,324,045,998
5.2	Giá trị thấp nhất (VND)/ Lowest Value (VND)	606,296,267,440	606,296,267,440
II	Giá trị thị trường (giá đóng cửa cuối phiên giao dịch trong ngày báo cáo) của một chứng chỉ Quỹ Market value of a Fund Certificate (closing price of the last trading session of the reporting date)		
1	Giá trị đầu kỳ Beginning period Value	14,900	15,000
2	Giá trị cuối kỳ Ending period Value	14,480	14,900
3	Thay đổi giá trị thị trường trong kỳ so với kỳ trước Change of market value in the period in comparison with the last period	(420)	(100)
4	Chênh lệch giữa giá thị trường của chứng chỉ Quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ Difference between Market Value per Fund Certificate and NAV per Fund Certificate		
4.1	Chênh lệch tuyệt đối (VND)/ Absolute difference (VND)	13.73	32.55
4.2	Chênh lệch tương đối (mức độ chiết khấu (-)/thặng dư (+))/ Relative difference (discount(-)/ premium(+))	0.09%	0.23%
5	Giá trị thị trường cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất Highest/lowest Market Value within latest 52 weeks		
5.1	Giá trị cao nhất (VND)/ Highest Value (VND)	18,460	18,460
5.2	Giá trị thấp nhất (VND)/ Lowest Value (VND)	14,200	14,200

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát
 Authorised Representative of Supervisory Bank



Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam
 Shinhan Bank Vietnam Limited

Khang Đức Huyền
 Giám đốc Phòng Dịch vụ Chứng khoán, Bộ phận Dịch vụ Quản trị Quỹ
 Director of Securities Services Department, Fund Services Team

Đại diện có thẩm quyền của Công ty quản lý Quỹ
 Authorised Representative of Fund Management Company



Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)
 Mirae Asset (Vietnam) Fund Management Company Limited

Huh Hong Suk
 Chủ tịch Công ty kiêm đại diện pháp luật
 Chairman and Legal Representatives